

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Tên chương trình: **KẾ TOÁN CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH.**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **KẾ TOÁN**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Mã ngành đào tạo: **52.34.03.01**

Trưởng nhóm dự án: **ThS Hoàng Thị Mai Khánh**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **Mục tiêu chung**

Mục tiêu của Chương trình cử nhân kinh tế chất lượng cao hoàn toàn bằng tiếng Anh ngành Kế toán là đào tạo những cử nhân có trình độ chuyên môn cao đạt chuẩn trình độ quốc tế trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán, có cơ sở lý luận vững chắc và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có khả năng hội nhập sâu rộng và được công nhận bởi các tổ chức Hiệp hội kế toán công chứng quốc tế.

#### **Mục tiêu cụ thể**

PO1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, đặc biệt là kế toán trong môi trường đa quốc gia.

PO2. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập kế hoạch và tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.

PO 3. Nâng cao khả năng sáng tạo, linh hoạt và khả năng chuyển giao của học sinh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

PO 4. Chuẩn bị cho sinh viên một giá trị nghề nghiệp vững chắc, thái độ, đạo đức và phẩm chất cần thiết cho sự phát triển bền vững.

PO 5. Để đào tạo sinh viên trở thành những người học tập suốt đời, sẵn sàng theo đuổi các bằng cấp cao hơn hoặc đạt được các trình độ chuyên môn.

## 2. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu PLOs	Phát biểu kết quả học tập mong đợi chương trình đào tạo Statements of PLOs	Cấp bậc nhận thức theo thang đo Bloom
<b>PLO1</b>	<b>Kiến thức (Technical Competence- IFAC)</b>	
PLO1.1	<b>Kiến thức chung về tự nhiên xã hội:</b> Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế quản lý giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội.	3
PLO 1.2	<b>Kiến thức ngành Kế toán, kiểm toán, tài chính, kinh doanh:</b> Kết hợp kiến thức ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, kinh doanh để giải quyết các vấn đề trong tổ chức; tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực.	4
PLO 1.3	<b>Kiến thức chuyên ngành Kế toán:</b> Kết hợp kiến thức chuyên sâu về kế toán, đặc biệt là kế toán quốc tế để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực.	4
<b>PLO 2</b>	<b>Kỹ năng chuyên môn (Professional Skills-IFAC)</b>	
PLO 2.1	<b>Kỹ năng tư duy:</b> Tổng hợp, xử lý, phân tích và đánh giá thông tin, phản ứng nhanh nhạy trong môi trường thay đổi, phục vụ hiệu quả cho quá trình ra quyết định.	4
PLO 2.2	<b>Kỹ năng giao tiếp:</b> Lựa chọn các hình thức hợp tác, giao tiếp, tư vấn, thương lượng, giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau.	4
PLO 2.3	<b>Kỹ năng tổ chức quản lý:</b> Nhận diện các hình thức tổ chức và quản lý công việc, quản lý thời gian, quản lý nhóm và phát triển kỹ năng lãnh đạo hiệu quả.	4
PLO 2.4	<b>Kỹ năng ứng dụng công nghệ:</b> Đánh giá và lựa chọn các ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.	4
<b>PLO 3</b>	<b>Kỹ năng thực hành nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán (Practical Experience IFAC)</b>	
PLO 3.1	Nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề trong công việc kế toán, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp...	4
PLO 3.2	Nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề trong công việc trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức khác...	4

PLO 3.3	Nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề trong công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp.	4
<b>PLO 4</b>	<b>Giá trị nghề nghiệp (Professional Values IFAC)</b>	
PLO 4.1	Thể hiện mức độ tương đương với các cấp độ của tổ chức nghề nghiệp trong nước hoặc quốc tế.	3
PLO 4.2	Thể hiện khả năng và cam kết học tập suốt đời. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.	4
<b>PLO 5</b>	<b>Thái độ chuyên nghiệp (Professional Attitudes IFAC) – Tính hoài nghi nghề nghiệp và xét đoán nghề nghiệp</b>	
PLO 5.1	Phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin trên cơ sở thái độ hoài nghi nghề nghiệp và khách quan.	4
PLO 5.2	Phát triển tư duy phân biện, xét đoán nghề nghiệp trong giải quyết vấn đề.	4
<b>PLO 6</b>	<b>Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics IFAC)</b>	
PLO 6.1	Nhận ra và phân biệt các hành vi vi phạm phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	4
PLO 6.2	Thể hiện các nguyên tắc tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	4
PLO 6.3	Nhận dạng và phân tích các vấn đề giúp nâng cao ý thức phát triển bền vững của xã hội.	4
<p><i>Ghi chú: 1 Nhận biết; 2 Hiểu; 3 Ứng dụng; 4 Phân tích</i></p>		

### **3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tổ chức, đảm nhận công việc có liên quan đến lĩnh vực kế toán tại các đơn vị sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán kiểm toán, tài chính ngân hàng và viện nghiên cứu kinh tế, tài chính, ngân hàng;
- Các định chế tài chính trung gian (các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư thuộc các khu vực, thành phần kinh tế trong ngoài nước, trung tâm giao dịch chứng khoán);
- Các tổ chức kinh tế tài chính;
- Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính, công ty đầu tư, tư vấn dịch vụ kế toán kiểm toán trong và ngoài nước.

#### **➤ Khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:**

- Có khả năng đảm trách các công việc kế toán tài chính, kế toán quản trị, khai báo thuế, kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp – đặc biệt là các vấn đề liên quan đến kế toán quốc tế và quản trị chiến lược; có khả năng tổng hợp phân tích số liệu kế toán, phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và chiến lược kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Có khả năng tham gia tổ chức, xử lý các công việc kế toán trong tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia; có khả năng tham gia vào công việc kiểm toán tại doanh nghiệp và đáp ứng các yêu cầu về công việc của các công ty kiểm toán;
- Có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán, thuế tại các doanh nghiệp và tổ chức;
- Có khả năng hội nhập cao, có thể làm việc trong các loại hình doanh nghiệp, tổ chức khác nhau tại các quốc gia khác nhau.
- Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc hợp lý, kỹ năng quản lý thời gian; có phẩm chất đạo đức tốt, tuân thủ luật pháp; trung thực, liêm chính và tuân thủ đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp.

#### **➤ Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

- Cử nhân ngành Kế toán có thể tiếp tục học sau đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc khối ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh trong nước và ngoài nước.
- Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân chất lượng cao hoàn toàn bằng tiếng Anh ngành Kế toán, sinh viên có thể tiếp tục dự thi để được cấp chứng chỉ nghề nghiệp do các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp quốc tế tổ chức như ICAEW, CPA Úc, ACCA, CIMA...

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 120 tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng).

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành			
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành	Ngành	TTCK+ (KLTN hoặc các HPCM)
Đại học	4 năm	120	36	74	24	50	10 (4+6)

## 6. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông, có điểm trung bình 3 năm học phổ thông từ 6,5 trở lên (hoặc quy đổi tương đương với sinh viên nước ngoài).
- Trúng tuyển vào trường Đại học Kinh tế - Luật theo đúng quy chế, quy định và quy trình tuyển sinh hiện hành.
- Có điểm IELTS 5.0 hoặc tương đương. Nếu chưa đủ trình độ tiếng Anh: sẽ học tiếng Anh tăng cường trong năm học đầu tiên.
- Đối với thí sinh người nước ngoài: Trường đại học Kinh tế - Luật dùng hình thức xét tuyển dựa trên thành tích học tập và phỏng vấn. Điều kiện ngoại ngữ đối với sinh viên các nước không sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính là IELTS 5.0 hoặc tương đương. Sinh viên từ các nước nói tiếng Anh được miễn điều kiện tiếng Anh đầu vào.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ và Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 24/02/2017; Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về đào tạo Chất lượng cao trình độ đại học và Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27/10/2014 của trường Đại học Kinh tế - Luật về ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ.

### 7.1 Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 HK:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: HK 1,2, 3 và 4.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: HK3 và 4.
- Khối kiến thức ngành: HK 5, 6 và 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp: HK8.
- **Quy định về trình độ ngoại ngữ:** Chương trình cử nhân chất lượng cao hoàn toàn bằng tiếng Anh quy định sinh viên phải đạt điều kiện tiếng Anh đầu vào ở năm học thứ nhất tương đương IELTS 5.0, năm học thứ hai tương đương IELTS 5.5 và chuẩn đầu ra của chương trình tương đương IELTS 6.0.

## 7.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đề án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đề án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường (Quyết định 1525/QĐ-ĐHKTL ban hành ngày 12/12/2018);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

**8. Thang điểm:** Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1 Khối kiến thức cơ bản: 36 tín chỉ

TT	Môn học bắt buộc	Số TC: 26	Ghi chú
01	Triết học Mac-Lê nin	3	Tiếng Việt
02	Lịch sử Đảng CSVN	2	Tiếng Việt
03	Tư tưởng HCM	2	Tiếng Việt
04	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Tiếng Việt
05	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt
06	Kinh tế vi mô	3	Tiếng Anh
07	Kinh tế vĩ mô	3	Tiếng Anh
08	Quản trị học căn bản	3	Tiếng Anh
09	Luật Doanh nghiệp	3	Tiếng Anh
10	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	Song ngữ
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>Số TC: 10</b>	
01	Tâm lý học	2	3 chọn 1 (Tiếng Anh)
02	Nhập môn giao tiếp	2	
03	Nhân học đại cương	2	
04	Quan hệ quốc tế	2	3 chọn 1 (Tiếng Anh)
05	Địa chính trị thế giới	2	
06	Lịch sử văn minh thế giới	2	
07	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	2	
08	Logic học	2	

09	Kinh tế số	2	3 chọn 3 chọn 1 (Tiếng Anh)
10	Xã hội học	2	
11	Văn hóa học	2	
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2 chọn 1 (Tiếng Anh)
13	Kỹ năng làm việc nhóm	2	
14	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	

## 9.2 Khối kiến thức khối ngành và nhóm ngành: 24 tín chỉ

TT	Môn học bắt buộc	Số TC: 20	Ghi chú
01	Toán cao cấp	4	Song ngữ
02	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	4	Tiếng Anh
03	Nguyên lý kế toán	4	Tiếng Anh
04	Những nguyên lý của thị trường tài chính (Lý thuyết tài chính và tiền tệ)	4	Tiếng Anh
05	Nguyên lý marketing	4	Tiếng Anh
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>Số TC: 4</b>	
01	Kinh tế lượng	4	2 chọn 1 (Tiếng Anh)
02	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	4	

## 9.3 Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: 50TC

	Môn học bắt buộc	Số TC: 46	Ghi chú
1.	Quản trị tài chính	4	Tiếng Anh
2.	Kế toán tài chính (CFAB)	4	Tiếng Anh
3.	Kế toán tài chính Việt Nam 1 (**)	4	Tiếng Việt
	Financial accounting (US GAAP with IFRS) Tiếng Anh ) (***)	4	Tiếng Anh
4.	Kinh doanh, công nghệ và tài chính (CFAB)	4	Tiếng Anh
5.	Hệ thống thông tin kế toán	3	Tiếng Anh
6.	Kiểm toán nội bộ	3	Tiếng Anh
7.	Kế toán quản trị 1 (CFAB)	4	Tiếng Anh
8.	Kiểm toán 1	4	Tiếng Anh
9.	Phân tích báo cáo tài chính	4	Tiếng Anh
10.	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS) 1 (***)	4	Tiếng Anh
11.	Kiểm toán 2 (CFAB)	4	Tiếng Anh

12.	Thuế thực hành và khai báo (VN) (**)	4	Tiếng Việt
	Nguyên tắc thuế (UK – CFAB) (Principles of taxation) (***)	4	Tiếng Anh
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>Số TC: 4</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp	4	Chọn 1 trong 2 (Tiếng Anh)
02	Kế toán quản trị 2	4	

*Ghi chú:*

- Có 4 môn học CFAB được đưa vào chương trình đào tạo Kế toán chất lượng cao hoàn toàn bằng Tiếng Anh (405CA)
- Từ K21, ICAEW hỗ trợ các chi phí sau: Lệ phí đăng ký ban đầu: £180; Lệ phí thi cho 01 môn thi đầu tiên: £72 (áp dụng cho lần thi đầu tiên). Tổng cộng: £252/SV.
- Môn thi thứ 2: Học bổng lệ phí thi cho 05 bạn có điểm thi đỗ cao nhất môn thi nhất
- Môn thi thứ 3 và thứ 4: Tất cả SV có điểm thi từ 90 trở lên đều được nhận quyền lợi của chương trình ICAEW Elite 90 (nhận học bổng là phí thi 01 môn và những quyền lợi khác).
- Sinh viên sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tài liệu học tập cho ICAEW. Giá ưu đãi hiện tại cho sinh viên UEL là £ 10 cho mỗi học phần.
- Các kỳ thi ICAEW CFAB phải được tổ chức tại một trung tâm tổ chức kỳ thi được ICAEW chấp thuận tại Hà Nội hoặc Tp.Hồ Chí Minh. ICAEW sẽ hướng dẫn học viên quy trình đăng ký các kỳ thi ICAEW CFAB. Sau đó, điểm thi CFAB sẽ được học sinh nộp cho Trường đại học Kinh tế - Luật (UEL) và được tính vào kết quả thi chính thức theo quy định của UEL.
- Sinh viên UEL được ICAEW miễn 2 môn CFAB: Nguyên tắc thuế (UK) và môn Luật (UK) với điều kiện sinh viên đã hoàn thành 2 môn học Luật doanh nghiệp – VN và Thuế - thực hành và khai báo – VN. Chương trình 405 CA của UEL đã được đánh giá và được cấp CPL cho các học phần Luật và Nguyên tắc Thuế. Sinh viên được miễn lệ phí xét miễn môn £72/môn.
- ICAEW có quyền thay đổi mức phí này theo thời gian và sẽ thông báo trước cho UEL.

#### **9.4 Khối kiến thức thực tập và khoá luận: 10 tín chỉ**

TT	Môn học bắt buộc	Số TC	Ghi chú
01	Thực tập cuối khóa	4	Tiếng Anh
02	Kiến tập	2	Tiếng Anh



TT	Môn học tự chọn	Số TC	Ghi chú
01	Khóa luận tốt nghiệp	4	Tiếng Anh
02	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Tiếng Việt

*Ghi chú:*

- *Tất cả sinh viên đều phải đi kiến tập trong hè năm 3 (cuối HK6), tương đương 2TC. SV có thể đăng ký vượt môn Kiến tập vào hè năm 2 (cuối HK4);*
- *Thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC vào đầu tháng 12 của HK7;*
- *Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học và thi môn học chuyên môn tự chọn vào HK8 (4 tín chỉ). Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.*

### **9.5 Khối kiến thức ngoại ngữ: 16 tín chỉ**

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	EL94	Tiếng Anh học thuật 1	4	1	3		Trình độ tương đương từ 5.0 IELTS trở lên
2	EL95	Tiếng Anh học thuật 2	4	1	3		
3	EL96	Tiếng Anh học thuật 3	4	1	3		Đã học và thi Tiếng anh học thuật 1 và 2
4	EL97	Tiếng Anh học thuật 4	4	1	3		

*Ghi chú:*

(\*) Môn Luật doanh nghiệp (VN) (Introduction to Business Law) được giảng dạy theo đề cương riêng của Khoa KTKT.

(\*\*) Các môn học: Kế toán tài chính Việt Nam 1, Thuế thực hành và khai báo (VN), Kế toán tài chính Việt Nam 2 bắt buộc đối với sinh viên Việt Nam.

(\*\*\*) Kế toán tài chính - Financial accounting (US GAAP with IFRS), Nguyên tắc thuế (UK – CFAB) (Principles of taxation), Chuẩn mực BCTC quốc tế (International Financial Reporting Standards 2) bắt buộc đối với sinh viên quốc tế.

(\*\*\*\*) Từ CTĐT 2021, tên môn học được điều chỉnh thành Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS) 1 (International Financial Reporting Standards 1)

- *Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.*
- *Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học và thi môn học phân chuyên môn (4 tín chỉ). Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.*
- *SV thuộc chương trình Chất lượng cao phải thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (được xem là hoạt động nghiên cứu khoa học bắt buộc theo yêu cầu đào tạo của chương trình Chất lượng cao. Tuy nhiên, đối với những SV đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có thể đăng ký*

học và thi môn học chuyên môn tự chọn vào HK8 (4 tín chỉ) để thay cho việc làm khóa luận tốt nghiệp (thông báo số 4/ĐH KTL-BĐH ngày 28/11/2019).

- Từ CTĐT K21, các môn học về kế toán Việt Nam được tích hợp trong CTĐT chất lượng cao hoàn toàn bằng tiếng Anh. Do đó, việc cấp chứng nhận hoàn thành các học phần kế toán Việt Nam theo thông báo 24/ĐHKTL-BĐA ngày 23 tháng 5 năm 2019 sẽ không còn thực hiện.

## 10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

**Khối kiến thức cơ bản: 36 tín chỉ**

TT	Môn học bắt buộc	Số TC	Mô tả
01	Triết học Mac-Lênin	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.</li> <li>- Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.</li> </ul>
02	Lịch sử Đảng CSVN	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nội dung cơ bản của đường lối CM của ĐCSVN, trong đó tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ từ đổi mới trên một số lĩnh vực KT – CT – VH - XH, đối ngoại...
03	Tư tưởng HCM	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.
04	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	<p>Môn học cung cấp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.</li> <li>+ Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.</li> </ul>

05	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.
06	Kinh tế vi mô	3	Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất...
07	Kinh tế vĩ mô	3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản.
08	Quản trị học căn bản	3	Môn học giúp sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.
09	Luật Doanh nghiệp	3	Giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế Việt Nam
10	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>Số TC:</b>	
01	Tâm lý học	2	Cung cấp kiến thức về các khái niệm hoạt động nhận thức, trí nhớ, đời sống tình cảm, hành động ý chí, nhân cách, giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách con người.

02	Nhập môn giao tiếp	2 Giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi.
03	Nhân học đại cương	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức để Môn hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong nghiên cứu nhân học, hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu cứu những vấn đề liên quan đến nhân học.
04	Quan hệ quốc tế	2 Nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế.
05	Địa chính trị thế giới	2 Cung cấp những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, giúp trang bị những kiến thức giúp người học hiểu biết nhiều hơn về đời sống quốc tế trong thời kỳ toàn cầu hóa ngày càng phát triển hiện nay.
06	Lịch sử văn minh thế giới	2 Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.
07	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	2 Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

08	Logic học	<p>Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triết tam. Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.</p> <p>2</p>
09	Kinh tế số	<p>Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số.</p> <p>2</p> <p>Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.</p>
10	Xã hội học	<p>Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).</p> <p>2</p>
11	Văn hóa học	<p>Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học.</li> <li>- Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học.</li> <li>- Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch.</li> <li>- Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới</li> </ul> <p>2</p>
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Học phần này giúp sinh viên nắm được một số nội dung cơ bản xoay quanh vấn đề về văn hóa Việt Nam như: định nghĩa, nguồn gốc hình thành, lược sử phát triển; các đặc trưng cơ bản như: tính thống nhất trong đa dạng, cơ tầng văn hóa lúa nước với đặc trưng văn hóa làng xã, tính cộng đồng và tự trị trong hành vi và cách nghĩ của người Việt xưa, tính linh hoạt và mềm dẻo, v.v.. Song song với những vấn đề chung,</p> <p>2</p>

13	Kỹ năng làm việc nhóm	<p>Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc.</p> <p>Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ 2 các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải áp dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học.</p>
14	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	<p>Môn học trang bị cho sinh viên cá kiến thức, kỹ năng định, tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.</p>

**Khối kiến thức khối ngành và nhóm ngành: 24 tín chỉ**

TT	Môn học bắt buộc	Số TC:	Ghi chú
01	Toán cao cấp	4	Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.
02	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	4	Giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất, cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
03	Nguyên lý kế toán	4	Nội dung môn học là những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin BCTC.

04	Những nguyên lý của thị trường tài chính (Lý thuyết tài chính và tiền tệ)	4	Môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước, giả thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước, một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư, khái niệm về sự cân bằng, cung cầu, biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất, hoạt động trên thị trường ngoại hối, chênh lệch thông tin...
05	Nguyên lý marketing	4	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng, cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.
<b>Môn học tự chọn</b>		<b>Số TC:</b>	
01	Kinh tế lượng	4	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế lượng: khái niệm, vai trò của kinh tế lượng; hệ thống khái niệm trong kinh tế lượng. Môn học phát triển kỹ năng đặt vấn đề (xây dựng các giả thuyết định tính); xây dựng biến và thiết lập mô hình (lấy mẫu thực nghiệm và lựa chọn mô hình); dự báo trong tương lai.
02	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	4	Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP. Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt.

**Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: 50 tín chỉ**

	<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>Số TC: 46</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Quản trị tài chính	4	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư.
2.	Kế toán tài chính (CFAB)	4	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản: Kế toán các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; Kế toán vốn chủ sở hữu, Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; tiền, các khoản thanh toán, BĐS đầu tư và đầu tư tài chính, hoạt động khác, Kế toán các khoản đầu tư; Kế toán các khoản vay; kế toán vốn chủ sở hữu và phân phối kết quả kinh doanh và tìm hiểu một số quy định, cơ sở dữ liệu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính theo IFRS.  Kết thúc môn học, sinh viên tham dự kì thi quốc tế chứng chỉ CFAB do ICAEW tổ chức.
3.	Kế toán tài chính Việt Nam 1 (**)	4	Môn học đảm bảo cho người học những hiểu biết về kế toán tài chính theo quy định của VN, áp dụng những nguyên tắc ghi nhận, đánh giá để xử lý các giao dịch trong một doanh nghiệp và trình bày, công bố báo cáo tài chính ở mức độ cơ bản.
4.	Financial accounting (US GAAP with IFRS) Tiếng Anh ) (***)	4	Môn học đảm bảo cho người học những hiểu biết về kế toán tài chính theo các nguyên tắc được chấp nhận chung tại Hoa Kỳ (US GAAP), áp dụng những nguyên tắc ghi nhận, đánh giá để xử lý các giao dịch trong một doanh nghiệp và trình bày, công bố báo cáo tài chính theo US GAAP.
5.	Kinh doanh, công nghệ và tài chính (CFAB)	4	Môn học giới thiệu những mục tiêu chung và các chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp; bản chất, đặc điểm, ưu và khuyết điểm của



			<p>các loại hình kinh doanh và cấu trúc tổ chức; mục đích của thông tin tài chính trong doanh nghiệp; chức năng của công tác kế toán tài chính phục vụ cho doanh nghiệp; vai trò của người làm công tác kế toán và tầm quan trọng của công tác kế toán; vai trò của quản trị doanh nghiệp, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và văn hóa đạo đức kinh doanh; ảnh hưởng của doanh nghiệp đến môi trường kinh doanh.</p> <p>Kết thúc môn học, sinh viên tham dự kì thi quốc tế chứng chỉ CFAB do ICAEW tổ chức.</p>
6.	Hệ thống thông tin kế toán	3	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh. Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kế đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.</p>
7.	Kiểm toán nội bộ	3	<p>Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các điều kiện cụ thể liên quan đến kiểm toán nội bộ. Sinh viên sẽ phát triển sự hiểu biết về tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ trong các công ty, cũng như sự kết nối với các hệ thống thông tin. Môn học cũng giới thiệu và củng cố các khái niệm và mô hình liên quan đến kiểm toán nội bộ và quản trị công ty. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức đã có cho 3 phạm vi thực hiện của Kiểm toán nội bộ: quản trị công ty, phân tích rủi ro và kiểm soát nội bộ.</p>
8.	Kế toán quản trị 1 (CFAB)	4	<p>Môn học giới thiệu các hệ thống kế toán giá thành, phân tích mối quan hệ Chi phí – khối lượng – lợi nhuận, Phương pháp lập dự toán các nguồn lực, và các phương pháp đánh giá hoạt động của tổ</p>

			chức; nhận biết và tính toán các thông tin cần thiết cho quyết định quản trị. Kết thúc môn học, sinh viên tham dự kì thi quốc tế chứng chỉ CFAB do ICAEW tổ chức.
9.	Kiểm toán 1	4	Giới thiệu nội dung tổng quan về kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo và chú trọng vào hoạt động kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, áp dụng những nguyên tắc lý thuyết để ứng dụng thực hiện công tác kiểm toán cụ thể.
10.	Phân tích báo cáo tài chính	4	Môn học cung cấp các nội dung liên quan đến thông tin kinh tế thị trường, am hiểu về kế toán tài chính và quản lý. Sinh viên sẽ được chia thành các nhóm nhỏ và được thực hành phân tích các công ty là đối thủ cạnh tranh trong ngành áp dụng các chính sách kế toán khác nhau.
11.	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS) 1 (***)	4	Môn học tìm hiểu và vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành và đưa ra các nhận xét so sánh với chuẩn mực kế toán tại Việt Nam. Phân tích bản chất của dòng tiền, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và tìm hiểu các chuẩn mực kế toán quốc tế.
12.	Kiểm toán 2 (CFAB)	4	Môn học tiếp tục các nội dung về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo và tập trung vào những vấn đề kỹ thuật trong thực tiễn kiểm toán. Kết thúc môn học, sinh viên tham dự kì thi quốc tế trong chương trình chứng chỉ CFAB của ICAEW.
13.	Thuế thực hành và khai báo (VN) (**)	4	Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến bản chất và ảnh hưởng của thuế, chính sách và các quy định về thuế đến doanh nghiệp tại Việt Nam. Các phương pháp tính thuế, lập báo cáo thuế, nghiên cứu các điều kiện nộp thuế, miễn giảm thuế,...chỉnh sửa báo cáo thuế.
14.	Nguyên tắc thuế (UK – CFAB) (Principles of taxation) (***)	4	Giúp cho sinh viên hiểu được các mục đích của công tác thuế và tính toán thuế thu nhập, đóng góp bảo hiểm quốc gia, thuế lợi nhuận tài sản đầu tư, thuế doanh nghiệp và thuế VAT trong các trường hợp khác nhau. Giải thích những mục tiêu chung của công tác thuế và tác động của nó lên hệ thống thuế nước

			<p>Anh, hiểu biết về các loại thuế khác nhau Ở Anh và nhận diện được những vấn đề về đạo đức khi thực hiện công tác thuế;</p> <p>Nhận diện được trách nhiệm của người đóng thuế và hệ quả của việc không tuân thủ hệ thống thuế của Anh;</p> <p>Tính được số thuế thu nhập và khoản đóng góp bảo hiểm quốc gia của các cá nhân;</p> <p>Tính được số thuế lợi nhuận tài sản đầu tư và phần lợi nhuận tài sản đầu tư tính vào thuế doanh nghiệp;</p> <p>Tính được số thuế doanh nghiệp phải trả;</p> <p>Tính được số thuế VAT doanh nghiệp phải trả hoặc phải thu.</p>
	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>Số TC: 4</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp	4	Giới thiệu kiến thức nền tảng về đạo đức nghề nghiệp; Đạo đức nghề nghiệp và đạo đức doanh nghiệp; Ra quyết định đạo đức; Tổng quan quản trị doanh nghiệp, Các vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị; Các phương pháp tiếp cận của quản trị doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp và Trách nhiệm đối với xã hội....
02	Kế toán quản trị 2	4	Môn học giới thiệu các hệ thống kế toán giá thành, phân tích mối quan hệ Chi phí – khối lượng – lợi nhuận, Phương pháp lập dự toán các nguồn lực, và các phương pháp đánh giá hoạt động của tổ chức.

#### **Khối kiến thức thực tập và khoá luận: 10 tín chỉ**

<b>TT</b>	<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>Số TC</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Thực tập cuối khóa	4	<p>Giúp cho người học liên hệ kiến thức đã học vào thực tế trong lĩnh vực kế toán, người học được tiếp cận và thực hành báo cáo kế toán, các phần mềm kế toán hiện hành. Thực tập tốt nghiệp thường dùng làm cơ sở để phát triển khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải trình bày rõ vấn đề cần giải quyết, giải pháp lựa chọn, các kết quả, hướng phát triển và kết luận.</p>

02	Kiến tập	2	Môn học được thực hiện trong học kỳ hè, sau khi kết thúc năm 2 hoặc năm 3. Giúp cho người học quan sát và đối chiếu kiến thức đã học vào thực tế trong lĩnh vực kế toán, người học được tiếp cận và thực hành báo cáo kế toán, các phần mềm kế toán hiện hành.
TT	Môn học tự chọn	Số TC	Ghi chú
01	Khóa luận tốt nghiệp	4	Giúp sinh viên tổng hợp, kiểm nghiệm những kiến thức học tập tại trường và rút ra những bài học kinh nghiệm sau khi đi thực tập cuối khóa. Sinh viên không được làm khóa luận phải học bổ sung thêm kiến thức tương đương số tín chỉ khóa luận tốt nghiệp
02	Chuyên đề tốt nghiệp Kế toán tài chính Việt Nam 2	4	Môn học đảm bảo cho người học những hiểu biết chuyên sâu về kế toán tài chính theo quy định của VN, áp dụng những nguyên tắc ghi nhận, đánh giá để xử lý các giao dịch phức tạp trong doanh nghiệp và trình bày, công bố các khoản mục liên quan đến các giao dịch phức tạp trên báo cáo tài chính.
	Chuyên đề tốt nghiệp Chuẩn mực trình bày BCTC IFRS 2	4	Môn học tiếp tục tìm hiểu và vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành, bên cạnh các chuẩn mực đã xem xét ở môn môn học Chuẩn mực trình bày BCTC IFRS 1 và đưa ra các nhận xét so sánh với chuẩn mực kế toán tại Việt Nam.

### 11. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Căn cứ và Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 24/02/2017; Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về đào tạo Chất lượng cao trình độ đại học và Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27/10/2014 của trường Đại học Kinh tế - Luật về ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ.

- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS Hồ Xuân Thủy**

**PGS TS Nguyễn Tiến Dũng**